|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/QĐ-UBND(Dự thảo 1) |  *Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung để xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;* *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BXD ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 593/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 về việc công bố định mức dự toán duy trì cây xanh đô thị; số 594/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 về việc công bố định mức dự toán duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số....../TTr-SXD ngày .... tháng ..... năm 2025 về việc ban hành Quy định định mức chi phí quản lý chung để xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

1. Quyết định này quy định định mức chi phí quản lý chung để xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Những nội dung liên quan đến xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công nêu tại khoản 1 Điều này không được quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công nêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** **Quy định định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung**

Chi phí quản lý chung để xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với chi phí nhân công trực tiếp. Định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung để xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công được quy định theo định mức tỷ lệ dưới đây:

*Đơn vị tính: %*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại dịch vụ sự nghiệp công** | **Loại đô thị** |
| **II** | **III ÷ V** |
|  | Dịch vụ chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị | 47 | 45 |

Đối với dịch vụ có chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công > 60% chi phí trực tiếp thì chi phí quản lý chung được xác định bằng 5% chi phí xe, máy, thiết bị thi công.

**Điều 4. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với các dịch vụ sự nghiệp công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí, phương thức cung ứng dịch vụ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Đối với dịch vụ sự nghiệp công chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí, phương thức cung ứng dịch vụ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

**Điều 5.** **Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 6.** **Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Xây dựng; - Thường trực Tỉnh ủy; (Báo cáo)- Thường trực HĐND tỉnh; - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp- UBMT Tổ quốc và các tổ chức CT-XH tỉnh;- Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;- Sở Tư pháp (Để kiểm tra và đăng tải CSDL);- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;- Báo Tuyên Quang; Đài PT&TH tỉnh;- Như Điều 5; (thi hành)- Các Phó chánh VP UBND tỉnh;- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;- Công báo tỉnh Tuyên Quang;- Lưu: VT, KT (......). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** |